



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~10986~~ BTC-CST
V/v xin ý kiến về dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 120/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Triển khai Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Trong thời gian thực hiện, một số quy định pháp luật liên quan có sự thay đổi, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Ngày 24/7/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 8488/BTC-CST báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Ngày 31/8/2019, Văn phòng Chính phủ có công văn số 7848/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ như sau: Đồng ý Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính dự thảo: Tờ trình Chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện, Báo cáo đánh giá tác động (gửi kèm).

Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính hoàn thiện các dự thảo nêu trên, trình Chính phủ.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20/10/2019.

Cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). 8

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí (sau đây gọi tắt là Nghị định 120).

Ngày 25/10/2017, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị công lập.

Chính phủ đang xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết nêu trên. Thực hiện chủ trương của Đảng, Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 120 và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 120 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật phí và lệ phí được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Triển khai thi hành Luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính đã phối hợp các Bộ, ngành xây dựng trình cấp có thẩm quyền (và ban hành theo thẩm quyền) 131 văn bản QPPL, gồm:

- 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- 07 Nghị định của Chính phủ (trong đó, có Nghị định 120);
- 122 Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Việc xây dựng và ban hành các Văn bản QPPL về phí, lệ phí được triển khai khẩn trương đáp ứng yêu cầu về chất lượng, thời hạn (các Văn bản QPPL đều được ký ban hành trước ngày 15/11/2016 để đảm bảo hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017, ngày Luật phí và lệ phí có hiệu lực), để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, lệ phí không gián đoạn.

Việc để lại tiền phí thu được cho cơ quan nhà nước thu phí đã góp phần quan trọng thu hút và giữ được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn; đồng

thời, có nguồn lực để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện phát sinh một số quy định liên quan đến quản lý và sử dụng phí như sau:

1. Một số cơ quan có nguồn thu lớn đã xin Chính phủ, TTCP cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, trong đó, có sử dụng nguồn tiền phí để lại; một số cơ quan nhà nước (Cục Tần số, Cục Viễn Thông, Cục Phát thanh truyền hình - Bộ Thông tin và Truyền Thông) đã trình TTCP quyết định cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp và có để lại tiền phí thu được cho chi đầu tư. Trong khi đó, pháp luật về đầu tư công có sự thay đổi, cụ thể:

- Tại khoản 21 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định: *Vốn đầu tư công bao gồm: vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.*

- Theo quy định tại Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thì: tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công (*vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN*).

Ngày 13/9/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP. Trong đó, bãi bỏ quy định *tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công*.

Như vậy, kể từ ngày 13/9/2018, tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước (thu phí) không thuộc nguồn vốn để chi đầu tư công theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP.

2. Cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị tạo ra sự chênh lệch thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương giữa các đơn vị trong cùng một Bộ, ngành (giữa đơn vị được hưởng cơ chế và đơn vị không được hưởng cơ chế); giữa các cơ quan, đơn vị cùng thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Thực tế cho thấy, nhiều vị trí công việc quan trọng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là những đơn vị (Vụ, Cục) làm công tác hoạch định chính sách nhưng không có nguồn thu, không được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị nên không có thu nhập tăng thêm; trong khi đó cán bộ trong các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị lại được hưởng thu nhập, tiền lương cao hơn, mặc dù tính chất công việc có thể không phức tạp và quan trọng bằng vị trí công việc tại đơn vị hoạch định chính sách. Ngay trong cùng đơn vị, việc cho phép hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm áp dụng chung cho toàn bộ cán bộ, công chức mang tính cào bằng, bình quân chủ nghĩa, làm giảm tác động khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện chỉ đạo của Phó TTCP Vương Đình Huệ tại Thông báo số 555/TB-VPCP ngày 30/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, Bộ Tài chính đã có công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018 báo cáo TTCP:

- Cho phép các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù đến hết năm 2020 để tạo điều kiện cho các cơ quan này có thêm thời gian hoàn thiện quy định về chế độ công chức, công vụ và biên chế;

- Sau năm 2020: áp dụng thống nhất cơ chế tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Tại văn bản số 10886/VPCP-KTTH ngày 09/11/2018, TTCP Nguyễn Xuân Phúc đã có ý kiến “Cơ bản đồng ý với nội dung báo cáo và các kiến nghị của Bộ Tài chính. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Chỉ thị của TTCP về tổng rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị....”

Ngày 04/3/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 2443/BTC-HCSN báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự thảo Chỉ thị về việc nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Tại điểm 1 dự thảo Chỉ thị nêu quan điểm, mục tiêu như sau:

Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN; được NSNN cân đối, bảo đảm kinh phí hoạt động.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước vừa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước thì cần rà soát để xác định rõ mô hình hoạt động của cơ quan với cơ chế tài chính phù hợp; trong đó bảo đảm nguyên tắc nếu có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN cân đối, đảm bảo kinh phí hoạt động.

Quan điểm này đã được thể hiện tại điểm 2 mục II Phần thứ hai dự thảo Báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về cơ chế tài chính và thu nhập gắn với đặc thù của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Dự thảo Báo cáo đã được gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ: có 23/27 TVCP biểu quyết đồng ý, không có TVQP không đồng ý và 04 TVCP có thêm ý kiến.

Với nội dung nêu trên, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 120 để phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; tăng cường quản lý nhà nước và kỷ luật, kỷ cương tài chính; tập trung thống nhất quản lý nguồn ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật ngân sách nhà nước, luật quản lý thuế và pháp luật liên quan.

- Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định còn phù hợp của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

Tổng hợp vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng dự án Nghị định.

Ngày 24/7/2019, Bộ Tài chính công văn số 8488/BTC-CST báo cáo TTCP về chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí (gửi kèm dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ).

Ngày 26/7/2019, VPCP đã có Phiếu báo số 1007/PB-VPCP yêu cầu Bộ Tài bổ sung văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan.

Ngày 06/8/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 8930/BTC-CST gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ về chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Ngày 31/8/2019, VPCP có công văn số 7848/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ như sau: *Đồng ý Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.*

Ngày / /2019, Bộ Tài chính có công văn số /BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự án Nghị định.

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn chỉnh lại dự án Nghị định và lập Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia.

Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính.

IV. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 120

Với thay đổi về chủ trương và pháp luật nêu trên, Bộ Tài chính dự kiến nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 120, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định 120 quy định về nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1.1. Về để lại tiền phí cho cơ quan nhà nước thu

a) Quy định pháp luật

- Tại Điều 4 Nghị định 120 quy định:

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

Theo quy định nêu trên, các cơ quan nhà nước thu phí đều thuộc diện khoán chi và được để lại 1 phần hoặc toàn bộ tiền phí thu được gồm:

(i) cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước,

(ii) Cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo quyết định của TTCP hoặc Chính phủ¹.

(iii) Cơ quan công an, quốc phòng áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

b) Thực tế thực hiện

Việc để lại tiền phí thu được cho cơ quan nhà nước thu phí đã góp phần quan trọng thu hút và giữ được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn; đồng thời, có nguồn lực để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, phát sinh một số bất cập như: (i) một số cơ quan có nguồn thu lớn đã xin Chính phủ, TTCP cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, trong đó, có

¹ Theo công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018, Bộ Tài chính báo cáo TTCP: có 30 cơ quan nhà nước đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù. Vụ CST đã rà soát có 17/30 cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đặc thù có thu phí và được để lại 1 phần tiền phí để sử dụng (13 cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đặc thù nhưng không liên quan đến phí), trong đó:

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp (10 cơ quan):

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Quyết định của TTCP gồm: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ TT&TT); Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN); Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (Bộ Nông nghiệp & PTNT)

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Nghị định của Chính phủ gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ hàng hải (Bộ GTVT).

- Cơ quan áp dụng cơ chế DNNN: Cục Đăng kiểm Việt Nam (theo Quyết định của TTCP).

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP nhưng được mở rộng tự chủ chi (04 cơ quan): Ủy ban Chứng khoán NN (Bộ Tài chính); Cục Hàng không, Cục Hàng hải (Bộ GTVT) và Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Bộ Văn hóa, TT&DL).

Ngoài các cơ quan nêu trên:

- TCHQ (Bộ Tài chính) được UBTVQH ban hành Nghị quyết cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù. TCHQ có thu phí hải quan, tuy nhiên, số tiền phí hải quan được để lại (khoảng 160 tỷ đồng/năm) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (bằng khoảng 3%) so với số tiền NSNN cấp hàng năm (gần 6.000 tỷ đồng/năm).

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) được Chính phủ cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, sau khi được UBTVQH chấp thuận.

sử dụng nguồn tiền phí để lại; một số cơ quan nhà nước (Cục Tần số, Cục Viễn Thông, Cục Phát thanh truyền hình - Bộ Thông tin và Truyền Thông) đã trình TTCP quyết định cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp; (ii) tạo ra sự bất công bằng về thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương trong các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước (đặc biệt là các đơn vị áp dụng cơ chế tài chính đặc thù). Nhiều vị trí công việc quan trọng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là những đơn vị (Vụ, Cục) làm công tác hoạch định chính sách hưởng tiền lương, thu nhập thấp hơn cán bộ trong các cơ quan được áp dụng cơ chế đặc thù; (iii) từ năm 2021, áp dụng có chế tiền lương mới thì các cơ chế tài chính từ nguồn thu phí cần được cải cách đồng bộ.

c) Đề xuất sửa đổi quy định tại Nghị định 120

Tại dự thảo Chỉ thị gửi kèm công văn số 2443/BTC-HCSN, Bộ Tài chính đã báo cáo TTCP: *Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động.*

Để tập trung quản lý nguồn thu NSNN, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định 120 như sau: *Cơ quan nhà nước thu phí nộp toàn bộ tiền phí vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Riêng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí với lý do:

- Trong điều kiện chi NSNN cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài còn hạn chế; cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn chưa đảm bảo cơ bản cho công tác đối ngoại; hiện trạng cơ sở vật chất của các Cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài chưa xứng tầm là bộ mặt của quốc gia trên trường quốc tế, số tiền phí được để lại đã đóng vai trò là nguồn lực quan trọng để hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ; bổ sung thu nhập cho cán bộ công chức viên chức, người lao động.

- Nhờ nguồn thu được để lại Cơ quan đại diện ở nước ngoài đã có thể chủ động, kịp thời có kinh phí để đảm bảo các điều kiện làm việc cho cán bộ trong môi trường đối ngoại; cải thiện đáng kể bộ mặt của quốc gia trên trường quốc; đồng thời thực hiện được cơ bản các chế độ chính sách cho CBCC-VC người lao động, hạn chế chảy máu chất xám, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị giao, đặc biệt là đối với những trường hợp đột xuất, cấp bách phát sinh ngoài dự toán. Vì vậy, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (trong đó, có sử dụng tiền phí được để lại) theo Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động đối ngoại (Nghị định được ban hành trên cơ sở ý kiến đồng ý của UBTVQH, tại công văn số 189/UBTVQH-TCNS ngày 28/9/2017).

1.2. Về thuế đối với tiền phí để lại cho doanh nghiệp được giao thu phí

Tại Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định: *Phí là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế*; và giao: *Chính phủ quy định chi tiết Điều này*. Chính phủ đã quy định: Số tiền phí được để lại cho doanh nghiệp thu phí là doanh thu của doanh nghiệp (khoản 3 Điều 4 Nghị định 120)².

Có ý kiến đề nghị quy định rõ tiền phí để lại cho doanh nghiệp có chịu thuế (GTGT, TNDN) không?

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

a) Theo quy định tại Luật phí và lệ phí thì: dịch vụ công do Nhà nước (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao) cung cấp thì thực hiện thu phí (phí thuộc NSNN không chịu thuế). Cùng dịch vụ này, doanh nghiệp cung cấp thì thực hiện thu theo cơ chế giá (phí không thuộc NSNN doanh nghiệp khai nộp thuế theo quy định).

Chẳng hạn, dịch vụ công chứng: Phòng Công chứng thực hiện công chứng - thu phí (không chịu thuế); Văn phòng công chứng thực hiện công chứng – thu giá dịch vụ (chịu thuế).

b) Hiện nay, có 02 doanh nghiệp thu phí: Trung tâm Đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ, được để lại 1,2% tiền phí thu được và Công ty cung cấp nước sạch thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt, được để lại tối đa 10% tiền phí thu được (HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại cụ thể). 02 doanh nghiệp này không cung cấp dịch vụ, chỉ thu phí hộ Nhà nước.

- Tại Tờ trình số 67/BTC-TTr ngày 09/6/2016 trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết Luật phí và lệ phí (Chính phủ ban hành Nghị định 120), Bộ Tài chính đã báo cáo:

Tiền phí được để lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp nên tại các văn bản thu phí đã quy định số tiền được để lại hạch toán vào doanh thu chung của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện khai, nộp thuế TNDN (nếu có).

Nếu không quy định số tiền được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí thì tổ chức thu phí phải hạch toán riêng khoản thu này và cơ quan nhà nước phải

² Tại Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định: *Phí, lệ phí theo quy định tại Luật này là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế*; và giao: *Chính phủ quy định chi tiết Điều này*.

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 120 đã quy định: 3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

thực hiện quy trình lập, giao dự toán, quyết toán tiền phí được để lại tương tự như cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Điều này, không phù hợp với cơ chế tài chính của doanh nghiệp.

Thực chất đây là khoản tiền Nhà nước trả cho doanh nghiệp để tổ chức thực hiện thu phí (thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP) nên quy định khoản tiền này là doanh thu của doanh nghiệp là phù hợp.

- Tại công văn thẩm định dự thảo Nghị định (công văn số 146/BTP-PLDSKT ngày 31/5/2016 của Bộ Tư pháp), Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đã nhất trí với giải trình của Bộ Tài chính nêu trên.

- Theo quy định pháp luật thuế thì dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thuộc diện chịu thuế (GTGT, TNDN).

Để đảm bảo minh bạch chính sách, Bộ Tài chính dự kiến bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị định 120 như sau: 3. *Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, ~~trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.~~ Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp thuế (TNDN, GTGT) theo quy định pháp luật.*

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định 120 quy định về quản lý và sử dụng phí

Tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định 120 quy định: quy định về quản lý và sử dụng tiền phí được để lại cho cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp thu phí; khoản 5 áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp được giao thu phí³.

³ Tại Điều 5 Nghị định 120 quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):.....

3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc TTCP cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc TTCP, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP.

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự

2.1. Về quản lý, sử dụng tiền phí cho cơ quan nhà nước

Theo nội dung sửa đổi về cơ quan nhà nước thu phí tại điểm 1.1 nêu trên, chỉ còn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được.

Bộ Tài chính dự kiến quy định về quản lý, sử dụng tiền phí đối với cơ quan nhà nước thu phí (khoản 2 Điều 5 mới) như sau: “2. *Số tiền phí để lại cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được để chi phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của Chính phủ*”.

Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể nội dung chi của 02 cơ quan này.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

Tiền phí để lại là 01 trong nhiều nguồn thu và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn thu của cơ quan thu phí. Việc quy định cụ thể nội dung chi từ tiền phí để lại sẽ khó khăn cho việc hạch toán, phân bổ thu, chi của cơ quan này.

Cơ chế tài chính của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Chính phủ quy định. Khi Chính phủ ban hành cơ chế sẽ nghiên cứu quy định sử dụng tiền phí phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, Luật NSNN và các Luật khác liên quan.

2.2. Về quản lý, sử dụng phí của đơn vị sự nghiệp thu

a) Nội dung quy định về quản lý, sử dụng phí để lại cho đơn vị sự nghiệp tại Nghị định 120 đồng bộ với quy định về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Tiền phí để lại để chi các nội dung phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (Khoản 2 Điều 5 Nghị định 120); chênh lệch thu, chi theo dự toán được trích lập các Quỹ: phát triển sự nghiệp bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP).

- Tiền phí để lại không chịu thuế TNDN; đơn vị sự nghiệp được chi đầu tư từ Quỹ phát triển sự nghiệp.

Quy định trên phù hợp với các mô hình tự chủ của đơn vị sự nghiệp: tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp được cổ phần hóa chuyển thành doanh nghiệp, khi đó, doanh nghiệp sẽ cung cấp dịch vụ và thu tiền theo cơ chế giá dịch vụ (như trường hợp Văn phòng công chứng - tại điểm 1.1 nêu trên).

nghiệp công lập.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

b) Quy định về quản lý, sử dụng phí tại khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định 120 áp dụng chung cho cả cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Tại dự thảo Nghị định, đã quy định riêng về tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước (điểm 2.1 trên).

Nội quy định về quản lý, sử dụng phí đối với đơn vị sự nghiệp không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thực tế, không phát sinh các trường hợp đặc thù đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 120.

Vì vậy, Bộ Tài chính sửa lại quy định về quản lý, sử dụng tiền phí để lại cho đơn vị sự nghiệp (*bỏ khoản 3; bỏ nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng phí của cơ quan nhà nước tại khoản 2 và 4 Điều 5 Nghị định 120 - sửa thành khoản 3 mới*) như sau:

3. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thường xuyên

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên:

c) Ngoài các nội dung tại điểm a, điểm b khoản này, số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3. Quy định về chuyển nguồn

Quy định khoản 5 Điều 5 Nghị định 120 chỉ phù hợp với tổ chức thu phí là cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thu phí (doanh nghiệp), thì số tiền phí để lại được hạch toán vào doanh thu của đơn vị, xác định kết quả kinh doanh, nộp thuế theo quy định. Sau khi nộp thuế, doanh nghiệp được quản lý và sử dụng tiền phí của mình theo quy định Luật doanh nghiệp.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 5 Điều 5 Nghị định 120 quy định về chuyển nguồn chỉ áp dụng đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thu phí, cụ thể: *“5. Hàng năm, ~~tổ chức thu phí cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thu phí~~ phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.”*

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định 120 quy định về tổ chức thực hiện

- Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định về trách nhiệm của các Bộ như sau: *4. Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.*

- Tại Điều 6 Nghị định 120 quy định:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính),

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí BVMT đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho bổ sung điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 120 quy định như sau: *c) Trường hợp khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng đề án và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí. Đối với phí BVMT đối với khí thải, Bộ TNMT chủ trì phối hợp với Bộ GTVT và các Bộ liên quan xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí.*

4. Điều khoản chuyển tiếp

4.1. Về hiệu lực thi hành

Sau khi Nghị định sửa đổi được ban hành; Bộ Tài chính phải sửa đổi các Thông tư thu phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải sửa đổi các Nghị quyết thu phí đồng bộ với nội dung Nghị định sửa đổi (đối với trường hợp có quy định để lại tiền phí cho cơ quan nhà nước thu phí); khối lượng công việc triển khai lớn.

Để đảm bảo đồng bộ, có thời gian để Bộ Tài chính và địa phương ban hành các văn bản sửa đổi, Bộ Tài chính trình Chính phủ *thời gian có hiệu lực thi hành Nghị định từ ngày 01/01/2021.*

4.2. Về điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

Theo dự kiến tại dự thảo Nghị định thì: Các cơ quan nhà nước thu phí (trừ Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) sẽ phải nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động.

Đối với số tiền phí được trích để lại của các cơ quan này (đến hết năm 2020) chưa sử dụng hết thì được phép chi cho các nhiệm vụ dở dang theo dự toán năm

2020 đã được phê duyệt; số tiền còn lại nộp NSNN. Bộ Tài chính dự kiến quy định điều khoản chuyển tiếp như sau:

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được giao thu phí không thuộc diện khoán chi theo quy định tại Nghị định này thực hiện quyết toán số thu phí được để lại đến hết năm ngân sách 2020 theo quy định. Sau khi quyết toán, số tiền phí được trích để lại còn dư nộp toàn bộ vào NSNN, chậm nhất là ngày 31/3/2021.

Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập dự toán thu – chi năm 2021 của các cơ quan nhà nước được giao thu phí không thuộc diện khoán chi theo quy định.

V. Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

.....

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Tài liệu trình kèm gồm: Dự thảo Nghị định và các tài liệu khác theo quy định của Luật ban hành văn bản quy pháp pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (P5).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP
ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, ~~trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ~~¹ riêng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí² theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

~~Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm: a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.~~

~~b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.~~

~~c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí”.~~

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

¹ Chữ bị gạch ngang: thể hiện nội dung bị bãi bỏ

² Chữ đậm nghiêng: Nội dung bổ sung.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, ~~trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.~~ Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí. ***Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp thuế (GTGT, TNDN) theo quy định pháp luật.***

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“1. Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại.

b) Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Trong đó:

- Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

- Dự toán cả năm về phí thu được do tổ chức thu thực hiện được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

- Trường hợp điều chỉnh mức tỷ lệ để lại, dự toán thu, chi còn căn cứ số liệu thu, chi của năm trước liền kề.

- Tỷ lệ để lại tối đa không quá 100%.

c) Căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí; trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất.

Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

2. Số tiền phí để lại cho ~~tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này~~ ***Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được để chi phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy***

định của Chính phủ.”

3. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) ~~Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):~~

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí đối với đơn vị ~~sự nghiệp công lập~~ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí.

- Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

b) ~~Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):~~

- Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí (trừ đơn vị ~~sự nghiệp công lập~~ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí ~~theo Luật phí và lệ phí~~).

- Các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí.

3. ~~Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.~~

4. c) *Ngoài các nội dung chi tại điểm a, điểm b khoản này, số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.*

~~5- 4. Hàng năm, tổ chức thu phí cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thu phí~~ phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 6 như sau:

“c) Trường hợp khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng đề án và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Đối với phí BVMT đối với khí thải, Bộ TNMT chủ trì phối hợp với Bộ GTVT và các Bộ liên quan xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được giao thu phí không thuộc diện khoán chi theo quy định tại Nghị định này thực hiện quyết toán số thu phí được để lại đến hết năm ngân sách 2020 theo quy định. Sau khi quyết toán, số tiền phí được trích để lại còn dư nộp toàn bộ vào NSNN chậm nhất là ngày 31/3/2021. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập dự toán thu – chi năm 2021 của các cơ quan nhà nước được giao thu phí không thuộc diện khoán chi theo quy định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí**

(Kèm Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2019 của Bộ Tài chính)

Triển khai Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Qua 02 năm thực hiện, đã kết quả đạt được nhất định, tuy nhiên cũng phát sinh một số bất cập cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 120/2016/NĐ-CP để phù hợp với tình hình thực tế.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ

Sau khi Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và ban hành 122 Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc xây dựng và ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí được triển khai khẩn trương đáp ứng yêu cầu về chất lượng, thời hạn (các Văn bản QPPL đều được ký ban hành trước ngày 15/11/2016 để đảm bảo hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, ngày Luật phí và lệ phí có hiệu lực), để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, lệ phí không gián đoạn.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí; góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí đầu vào của sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

2. Về quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí

a) Theo quy định hiện hành, phí, lệ phí thuộc NSNN được quản lý, sử dụng như sau:

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN.

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện

được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp NSNN.

b) Qua theo dõi tình hình thu nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí cho một số kết quả cụ thể như sau:

- Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy định về thu, nộp, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả số thu phí, lệ phí được để lại:

- + Các khoản thu phí, lệ phí về cơ bản đã được nộp kịp thời vào NSNN và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

- + Phần phí để lại cho các đơn vị sử dụng được quản lý, hạch toán và quyết toán theo đúng quy định. Trong công tác dự toán thu NSNN, thường xuyên rà soát và căn cứ kết quả số thu phí, lệ phí hàng năm để xây dựng dự toán ngân sách, kịp thời tổng hợp và thông báo công khai trong dự toán thu chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị để đảm bảo việc sử dụng tiền phí tiết kiệm, hiệu quả.

- Việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí được thực hiện công khai, minh bạch tạo điều kiện cho người nộp phí, lệ phí nắm vững quy định của pháp luật và tham gia vào quá trình giám sát các cơ quan thu phí, lệ phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Cơ chế quản lý phí đảm bảo đồng bộ với các cơ chế tài chính của đơn vị thu: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác; tạo điều kiện cho các đơn vị tăng tính tự chủ và hướng đến xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công có cung cấp dịch vụ thu phí

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC

Bên cạnh những kết quả đạt được như nêu trên, quá trình thực hiện chính sách phí và lệ phí, đã phát sinh một số tồn tại, vướng mắc, cụ thể như sau:

1. Về để lại tiền phí cho cơ quan nhà nước thu

a) Quy định pháp luật

- Tại Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

Theo quy định nêu trên, các cơ quan nhà nước thu phí đều thuộc diện khoán chi và được để lại 1 phần hoặc toàn bộ tiền phí thu được gồm:

(i) cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước,

(ii) Cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCP) hoặc Chính phủ ¹.

(iii) Cơ quan công an, quốc phòng áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

b) Thực tế thực hiện

Việc để lại tiền phí thu được cho cơ quan nhà nước thu phí đã góp phần quan trọng thu hút và giữ được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn; đồng

¹ Theo công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018, Bộ Tài chính báo cáo TTCP: có 17 cơ quan nhà nước áp dụng cơ chế tài chính đặc thù có thu phí và được để lại 1 phần tiền phí để sử dụng, trong đó:

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp (10 cơ quan):

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Quyết định của TTCP gồm: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ TT&TT); Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN); Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (Bộ Nông nghiệp & PTNT).

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Nghị định của Chính phủ gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ hàng hải (Bộ GTVT).

- Cơ quan áp dụng cơ chế DNNN: Cục Đăng kiểm Việt Nam (theo Quyết định của TTCP).

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP nhưng được mở rộng tự chủ chi (04 cơ quan): Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính); Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ GTVT) và Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Bộ Văn hóa, TT&DL).

Ngoài các cơ quan nêu trên:

- Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) được UBTVQH ban hành Nghị quyết cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù. TCHQ có thu phí hải quan, tuy nhiên, số tiền phí hải quan được để lại (khoảng 160 tỷ đồng/năm) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (bằng khoảng 3%) so với số tiền NSNN cấp hàng năm (gần 6.000 tỷ đồng/năm).

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) được Chính phủ cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, sau khi được UBTVQH chấp thuận.

thời, có nguồn lực để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, phát sinh một số bất cập như:

(i) Một số cơ quan có nguồn thu lớn đã xin Chính phủ, TTCP cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, trong đó, có sử dụng nguồn tiền phí để lại; một số cơ quan nhà nước (Cục Tần số, Cục Viễn Thông, Cục Phát thanh truyền hình - Bộ Thông tin và Truyền Thông) đã trình TTCP quyết định cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp và có để lại tiền phí thu được cho chi đầu tư. Trong khi đó, pháp luật về đầu tư công có sự thay đổi, cụ thể:

- Tại khoản 21 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định: *Vốn đầu tư công bao gồm: vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.*

- Theo quy định tại Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thì: tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công (*vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN*).

Ngày 13/9/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP. Trong đó, bãi bỏ quy định *tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công*.

Như vậy, kể từ ngày 13/9/2018, tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước (thu phí) không thuộc nguồn vốn để chi đầu tư công theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP.

(ii) Cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị tạo ra sự chênh lệch thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương giữa các đơn vị trong cùng một Bộ, ngành (giữa đơn vị được hưởng cơ chế và đơn vị không được hưởng cơ chế); giữa các cơ quan, đơn vị cùng thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Thực tế cho thấy, nhiều vị trí công việc quan trọng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là những đơn vị (Vụ, Cục) làm công tác hoạch định chính sách nhưng không có nguồn thu, không được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị nên không có thu nhập tăng thêm; trong khi đó cán bộ trong các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị lại được hưởng thu nhập, tiền lương cao hơn, mặc dù tính chất công việc có thể không phức tạp và quan trọng bằng vị trí công việc tại đơn vị hoạch định chính sách. Ngay trong cùng đơn vị, việc cho phép hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm áp dụng chung cho toàn bộ cán bộ, công chức mang tính cào bằng, bình quân chủ nghĩa, làm giảm tác động khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

Thực hiện chỉ đạo của Phó TTCP Vương Đình Huệ tại Thông báo số 555/TB-VPCP ngày 30/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, Bộ Tài chính đã có công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018 báo cáo TTCP:

- Cho phép các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù đến hết năm 2020 để tạo điều kiện cho các cơ quan này có thêm thời gian hoàn thiện quy định về chế độ công chức, công vụ và biên chế;

- Sau năm 2020: áp dụng thống nhất cơ chế tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Tại văn bản số 10886/VPCP-KTTH ngày 09/11/2018, TTCP Nguyễn Xuân Phúc đã có ý kiến “Cơ bản đồng ý với nội dung báo cáo và các kiến nghị của Bộ Tài chính. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Chỉ thị của TTCP về tổng rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, trong đó lưu ý các giải pháp cần phù hợp với Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 khoá XII, đúng thẩm quyền; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị có thời gian chuyển tiếp phù hợp khi thực hiện điều chỉnh cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị để giảm thiểu tác động, ảnh hưởng đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.”

Ngày 04/3/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 2443/BTC-HCSN báo cáo TTCP dự thảo Chỉ thị về việc nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Tại điểm 1 dự thảo Chỉ thị nêu quan điểm, mục tiêu như sau:

Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN; được NSNN cân đối, bảo đảm kinh phí hoạt động.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước vừa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước thì cần rà soát để xác định rõ mô hình hoạt động của cơ quan với cơ chế tài chính phù hợp; trong đó bảo đảm nguyên tắc nếu có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN cân đối, đảm bảo kinh phí hoạt động.

Quan điểm này đã được thể hiện tại điểm 2 mục II Phần thứ hai dự thảo Báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về cơ chế tài chính và thu nhập gắn với đặc thù của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước (đã được gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ tại công văn số 6577/VPCP-KTTH ngày 25/7/2019 của VPCP).

(iii) Từ năm 2021, áp dụng cơ chế tiền lương mới thì các cơ chế tài chính từ nguồn thu phí cần được cải cách đồng bộ.

2. Về thuế đối với tiền phí để lại cho doanh nghiệp được giao thu phí

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã quy định: 3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

Quá trình thực hiện có ý kiến đề nghị quy định rõ tiền phí để lại cho doanh nghiệp có chịu thuế (GTGT, TNDN) không? Để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện kê khai thuế và cơ quan quản lý thuế theo dõi, quản lý thu thuế.

Để đảm bảo rõ ràng, minh bạch cần nghiên cứu sửa đổi, nội dung này.

3. Quy định về chuyển nguồn

Tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định về chuyển nguồn như sau: *“5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.”*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì tiền phí để lại cho doanh nghiệp thu phí là doanh thu của doanh nghiệp. Theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thuế thì doanh nghiệp có quyền quyết định sử dụng phần doanh thu (từ tiền phí). Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế và sử dụng tiền của mình mà không cần phải thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP nêu trên.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết.

4. Về trách nhiệm của các Bộ, ngành

- Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định về trách nhiệm của các Bộ như sau: *4. Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.*

- Tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính),

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí BVMT đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị

các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, đề Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về để lại tiền phí cho cơ quan nhà nước thu

Tại dự thảo Chỉ thị gửi kèm công văn số 2443/BTC-HCSN, Bộ Tài chính đã báo cáo TTCP: *Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động.*

Theo nội dung trên thì cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng cơ quan nhà nước thu phí thì phải nộp toàn bộ vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, đối với phí do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu cần được để lại tiền phí với lý do:

- Trong điều kiện chi NSNN cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài còn hạn chế; cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn chưa đảm bảo cơ bản cho công tác đối ngoại; hiện trạng cơ sở vật chất của các Cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài chưa xứng tầm là bộ mặt của quốc gia trên trường quốc tế, số tiền phí được để lại đã đóng vai trò là nguồn lực quan trọng để hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ; bổ sung thu nhập cho cán bộ công chức viên chức, người lao động.

- Nhờ nguồn thu được để lại Cơ quan đại diện ở nước ngoài đã có thể chủ động, kịp thời có kinh phí để đảm bảo các điều kiện làm việc cho cán bộ trong môi trường đối ngoại; cải thiện đáng kể bộ mặt của quốc gia trên trường quốc; đồng thời thực hiện được cơ bản các chế độ chính sách cho CBCC-VC người lao động, hạn chế chảy máu chất xám, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị giao, đặc biệt là đối với những trường hợp đột xuất, cấp bách phát sinh ngoài dự toán. Vì vậy, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (trong đó, có sử dụng tiền phí được để lại) theo Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động đối ngoại (Nghị định được ban hành trên cơ sở ý kiến đồng ý của UBTVQH, tại công văn số 189/UBTVQH-TCNS ngày 28/9/2017).

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng: *Cơ quan nhà nước thu phí nộp toàn bộ tiền phí vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Riêng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

2. Về thuế đối với tiền phí để lại cho doanh nghiệp được giao thu phí

Tại Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định: *Phí là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế; và giao: Chính phủ quy định chi tiết Điều này.* Chính phủ đã

quy định: Số tiền phí được để lại cho doanh nghiệp thu phí là doanh thu của doanh nghiệp (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP).

a) Theo quy định tại Luật phí và lệ phí thì: dịch vụ công do Nhà nước (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao) cung cấp thì thực hiện thu phí (phí thuộc NSNN không chịu thuế). Cùng dịch vụ này, doanh nghiệp cung cấp thì thực hiện thu theo cơ chế giá (phí không thuộc NSNN doanh nghiệp khai nộp thuế theo quy định).

Chẳng hạn, dịch vụ công chứng: Phòng Công chứng thực hiện công chứng - thu phí (không chịu thuế); Văn phòng công chứng thực hiện công chứng – thu giá dịch vụ (chịu thuế).

b) Hiện nay, có 02 doanh nghiệp thu phí: Trung tâm Đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ, được để lại 1,2% tiền phí thu được và Công ty cung cấp nước sạch thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt, được để lại tối đa 10% tiền phí thu được (HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại cụ thể). 02 doanh nghiệp này không cung cấp dịch vụ, chỉ thu phí hộ Nhà nước.

- Tại Tờ trình số 67/BTC-TTr ngày 09/6/2016 trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết Luật phí và lệ phí (Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP), Bộ Tài chính đã báo cáo:

Tiền phí được để lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp nên tại các văn bản thu phí đã quy định số tiền được để lại hạch toán vào doanh thu chung của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện khai, nộp thuế TNDN (nếu có).

Nếu không quy định số tiền được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí thì tổ chức thu phí phải hạch toán riêng khoản thu này và cơ quan nhà nước phải thực hiện quy trình lập, giao dự toán, quyết toán tiền phí được để lại tương tự như cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Điều này, không phù hợp với cơ chế tài chính của doanh nghiệp.

Thực chất đây là khoản tiền Nhà nước trả cho doanh nghiệp để tổ chức thực hiện thu phí (thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP) nên quy định khoản tiền này là doanh thu của doanh nghiệp là phù hợp.

- Tại công văn thẩm định dự thảo Nghị định (công văn số 146/BTP-PLDSKT ngày 31/5/2016 của Bộ Tư pháp), Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đã nhất trí với giải trình của Bộ Tài chính nêu trên.

- Theo quy định pháp luật thuế thì dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thuộc diện chịu thuế (GTGT, TNDN).

Để đảm bảo minh bạch chính sách, cần bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng: *Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp thuế (TNDN, GTGT) theo quy định pháp luật.*

3. Về quản lý và sử dụng phí

Tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định: quy định về quản lý và sử dụng tiền phí được để lại cho cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp thu phí; khoản 5 áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp được giao thu phí².

3.1. Về quản lý, sử dụng tiền phí cho cơ quan nhà nước

Theo nội dung sửa đổi về cơ quan nhà nước thu phí tại điểm 1 nêu trên, chỉ còn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được.

Do đó, cần điều chỉnh nội dung quy định về quản lý, sử dụng tiền phí đối với cơ quan nhà nước thu phí (khoản 2 Điều 5 mới) như sau: “2. Số tiền phí để lại cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được để chi phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của Chính phủ”.

Tiền phí để lại là 01 trong nhiều nguồn thu và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn thu của cơ quan thu phí. Việc quy định cụ thể nội dung chi từ tiền phí để lại sẽ khó khăn cho việc hạch toán, phân bổ thu, chi của cơ quan này.

Cơ chế tài chính của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Chính phủ quy định. Khi Chính phủ ban hành cơ chế sẽ nghiên cứu quy định sử dụng tiền phí phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, Luật NSNN và các Luật khác liên quan.

3.2. Về quản lý, sử dụng phí của đơn vị sự nghiệp thu

² Tại Điều 5 Nghị định 120 quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):.....

3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc TTCP cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc TTCP, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP.

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

a) Nội dung quy định về quản lý, sử dụng phí tại Nghị định 120/2016/NĐ-CP đồng bộ với quy định về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Tiền phí để lại để chi các nội dung phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (Khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP); chênh lệch thu, chi theo dự toán được trích lập các Quỹ: phát triển sự nghiệp bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP).

- Tiền phí để lại không chịu thuế TNDN; đơn vị sự nghiệp được chi đầu tư từ Quỹ phát triển sự nghiệp.

Quy định trên phù hợp với các mô hình tự chủ của đơn vị sự nghiệp: tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp được cổ phần hóa chuyển thành doanh nghiệp, khi đó, doanh nghiệp sẽ cung cấp dịch vụ và thu tiền theo cơ chế giá dịch vụ (*như trường hợp Văn phòng công chứng - tại điểm 1.1 nêu trên*).

b) Quy định về quản lý, sử dụng phí tại khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP áp dụng chung cho cả cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Tại dự thảo Nghị định, đã quy định riêng về tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước (điểm 2.1 trên).

Nội quy định về quản lý, sử dụng phí đối với đơn vị sự nghiệp không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thực tế, không phát sinh các trường hợp đặc thù đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa lại quy định về quản lý, sử dụng tiền phí để lại cho đơn vị sự nghiệp theo hướng:

3. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thường xuyên

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên:

c) Ngoài các nội dung tại điểm a, điểm b khoản này, số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

3.3. Quy định về chuyển nguồn

Quy định khoản 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP chỉ phù hợp với tổ chức thu phí là cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thu phí (doanh nghiệp), thì số tiền phí để lại được hạch toán vào doanh thu của đơn vị, xác định kết quả kinh doanh, nộp thuế theo quy định. Sau khi nộp thuế, doanh nghiệp được quản lý và sử dụng tiền phí của mình theo quy định Luật doanh nghiệp.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định về chuyển nguồn chỉ áp dụng đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thu phí.

4. Về tổ chức thực hiện

- Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định về trách nhiệm của các Bộ: 4. ... *kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.*

- Tại Điều 6 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính),

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí BVMT đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

Vì vậy, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của các Bộ liên quan: *c) Trường hợp khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng đề án và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí. Đối với phí BVMT đối với khí thải, Bộ TNMT chủ trì phối hợp với Bộ GTVT và các Bộ liên quan xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí.*

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí.

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí
(Kèm tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày / /2019 của Bộ Tài chính)

I. Các vấn đề cần giải quyết tại Nghị định

Thực hiện Luật phí và lệ phí, trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí theo thẩm quyền¹, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về quản lý phí, lệ phí, góp phần tạo thuận lợi cho việc triển khai thu phí, lệ phí. Công tác tổ chức thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí được công khai, minh bạch, tạo sự chủ động cho các đơn vị quản lý thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; từng bước đổi mới cơ chế quản lý phí, lệ phí gắn với xã hội hóa; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền và trách nhiệm thu, nộp phí, lệ phí, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong cung cấp và sử dụng các dịch vụ công.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách phí, lệ phí liên quan đến để lại tiền phí thu được cho cơ quan thu phí; quản lý và sử dụng phí; trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí,... Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng² cũng như những điều chỉnh mới trong các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công³.

¹ Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ, UBND tỉnh ban hành và ban hành theo thẩm quyền trên 130 văn bản quy định các khoản phí, lệ phí dưới các hình thức Nghị quyết của UBND tỉnh, Nghị định Chính phủ, Thông tư. Cụ thể, Bộ Tài chính đã hoàn thành 131 đề án, gồm có: 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 07 Nghị định của Chính phủ; 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và 122 Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

² Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7, khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 03 Điều gồm: Điều 4 về Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí; Điều 5 về quản lý và sử dụng phí và Điều 6 về trách nhiệm của các Bộ trong tổ chức thực hiện.

II. Mục tiêu cần đạt được của việc xây dựng Nghị định

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí cần đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

1. Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý phí, lệ phí, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo chính sách phí, lệ phí được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính.

3. Đảm bảo tập trung đầy đủ, kịp thời nguồn thu từ phí, lệ phí và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí.

4. Đảm bảo chính sách phí, lệ phí ngày càng phù hợp với các thông lệ quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

III. Các quan điểm xây dựng Nghị định

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Đảm bảo tính minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí; tăng cường quản lý nhà nước và kỷ luật tài chính.

3. Kế thừa các điểm tích cực của các quy định về phí, lệ phí hiện hành còn phù hợp, đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế trong các quy định tại Nghị

ngiệp và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

³ Theo quy định tại Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thì: tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công (*vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN*).

Ngày 13/9/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP. Trong đó, bãi bỏ quy định *tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước thuộc vốn đầu tư công*.

định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

IV. Một số nội dung trong Nghị định

Với mục tiêu và quan điểm xây dựng Nghị định nêu trên, nội dung Nghị định tập trung vào một số vấn đề chủ yếu, bao gồm: (1) sửa đổi, bổ sung Điều 4 về Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí; (2) sửa đổi, bổ sung Điều 5 về quản lý và sử dụng phí và (3) sửa đổi, bổ sung Điều 6 về trách nhiệm của các Bộ trong tổ chức thực hiện.

V. Các phương án giải quyết vấn đề và tác động của phương án.

1. Về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

a) Vấn đề cần giải quyết

- Tại Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

Theo quy định nêu trên, các cơ quan nhà nước thu phí đều thuộc diện khoán chi và được để lại 1 phần hoặc toàn bộ tiền phí thu được gồm:

(i) cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

(ii) Cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCP) hoặc Chính phủ ⁴.

⁴ Theo công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018, Bộ Tài chính báo cáo TTCP: có 17 cơ quan nhà nước áp dụng cơ chế tài chính đặc thù có thu phí và được để lại 1 phần tiền phí để sử dụng, trong đó:

(iii) Cơ quan công an, quốc phòng áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

Quá trình thực hiện, phát sinh một số bất cập như:

(i) Một số cơ quan có nguồn thu lớn đã xin Chính phủ, TTCP cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, trong đó, có sử dụng nguồn tiền phí để lại; một số cơ quan nhà nước (Cục Tần số, Cục Viễn Thông, Cục Phát thanh truyền hình - Bộ Thông tin và Truyền Thông) đã trình TTCP quyết định cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp và có để lại tiền phí thu được cho chi đầu tư. Trong khi đó, pháp luật về đầu tư công có sự thay đổi.

(ii) Cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị tạo ra sự chênh lệch thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương giữa các đơn vị trong cùng một Bộ, ngành⁵

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp (10 cơ quan):

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Quyết định của TTCP gồm: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ TT&TT); Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN); Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (Bộ Nông nghiệp & PTNT).

+ Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Nghị định của Chính phủ gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ hàng hải (Bộ GTVT).

- Cơ quan áp dụng cơ chế DNNN: Cục Đăng kiểm Việt Nam (theo Quyết định của TTCP).

- Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP nhưng được mở rộng tự chủ chi (04 cơ quan): Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính); Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ GTVT) và Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Bộ Văn hóa, TT&DL).

Ngoài các cơ quan nêu trên:

- Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) được UBNDVN ban hành Nghị quyết cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù. TCHQ có thu phí hải quan, tuy nhiên, số tiền phí hải quan được để lại (khoảng 160 tỷ đồng/năm) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (bằng khoảng 3%) so với số tiền NSNN cấp hàng năm (gần 6.000 tỷ đồng/năm).

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) được Chính phủ cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, sau khi được UBNDVN chấp thuận.

⁵ Thực hiện chỉ đạo của Phó TTCP Vương Đình Huệ tại Thông báo số 555/TB-VPCP ngày 30/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, Bộ Tài chính đã có công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018 báo cáo TTCP:

- Cho phép các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù đến hết năm 2020 để tạo điều kiện cho các cơ quan này có thêm thời gian hoàn thiện quy định về chế độ công chức, công vụ và biên chế;

- Sau năm 2020: áp dụng thống nhất cơ chế tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Tại văn bản số 10886/VPCP-KTTH ngày 09/11/2018, TTCP Nguyễn Xuân Phúc đã có ý kiến "Cơ bản đồng ý với nội dung báo cáo và các kiến nghị của Bộ Tài chính. ..."

Ngày 04/3/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 2443/BTC-HCSN báo cáo TTCP dự thảo Chỉ thị về việc nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Tại điểm 1 dự thảo Chỉ thị nêu quan điểm, mục tiêu như sau:

(giữa đơn vị được hưởng cơ chế và đơn vị không được hưởng cơ chế); giữa các cơ quan, đơn vị cùng thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Thực tế cho thấy, nhiều vị trí công việc quan trọng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là những đơn vị (Vụ, Cục) làm công tác hoạch định chính sách nhưng không có nguồn thu, không được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị nên không có thu nhập tăng thêm; trong khi đó cán bộ trong các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị lại được hưởng thu nhập, tiền lương cao hơn, mặc dù tính chất công việc có thể không phức tạp và quan trọng bằng vị trí công việc tại đơn vị hoạch định chính sách. Ngay trong cùng đơn vị, việc cho phép hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm áp dụng chung cho toàn bộ cán bộ, công chức mang tính cào bằng, bình quân chủ nghĩa, làm giảm tác động khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Phương án giải quyết và đánh giá tác động

Để đảm bảo đồng bộ với chủ trương của Đảng, pháp luật liên quan, tập trung quản lý nguồn thu NSNN, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định 120 như sau: *Cơ quan nhà nước thu phí nộp toàn bộ tiền phí vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Riêng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài⁶ được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN; được NSNN cân đối, bảo đảm kinh phí hoạt động.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước vừa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước thì cần rà soát để xác định rõ mô hình hoạt động của cơ quan với cơ chế tài chính phù hợp; trong đó bảo đảm nguyên tắc nếu có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN cân đối, đảm bảo kinh phí hoạt động.

⁶ Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu cần được để lại tiền phí với lý do:

- Trong điều kiện chi NSNN cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài còn hạn chế; cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn chưa đảm bảo cơ bản cho công tác đối ngoại; hiện trạng cơ sở vật chất của các Cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài chưa xứng tầm là bộ mặt của quốc gia trên trường quốc tế, số tiền phí được để lại đã đóng vai trò là nguồn lực quan trọng để hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ; bổ sung thu nhập cho cán bộ công chức viên chức, người lao động.

- Nhờ nguồn thu được để lại Cơ quan đại diện ở nước ngoài đã có thể chủ động, kịp thời có kinh phí để đảm bảo các điều kiện làm việc cho cán bộ trong môi trường đối ngoại; cải thiện đáng kể bộ mặt của quốc gia trên trường quốc tế; đồng thời thực hiện được cơ bản các chế độ chính sách cho CBCCVN người lao động, hạn chế chảy máu chất xám, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị giao, đặc biệt là đối với những trường hợp đột xuất, cấp bách phát sinh ngoài dự toán. Vì vậy, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (trong đó, có sử dụng tiền phí được để lại) theo Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động đối ngoại (Nghị định được ban hành trên cơ sở ý kiến đồng ý của UBTVQH, tại công văn số 189/UBTVQH-TCNS ngày 28/9/2017).

Thực hiện quy định này sẽ góp phần đảm bảo tập trung đầy đủ, kịp thời nguồn thu từ phí, lệ phí và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí.

Hiện hành, cơ quan nhà nước thu phí vẫn phải thực hiện kê khai, nộp một phần tiền phí thu được vào NSNN; việc sử dụng tiền phí được để lại vẫn theo phải thực hiện theo dự toán được giao, quyết toán năm theo quy định. Vì vậy, việc nộp toàn bộ tiền phí thu được vào NSNN và NSNN đảm bảo kinh phí không làm tăng thủ tục hành chính cho cơ quan thu.

2. Về nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

a) Vấn đề cần giải quyết

Tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định: quy định về quản lý và sử dụng tiền phí được để lại cho cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp thu phí; khoản 5 áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp được giao thu phí⁷.

b) Phương án giải quyết và đánh giá tác động

(1) Về quản lý, sử dụng tiền phí cho cơ quan nhà nước

Theo nội dung sửa đổi về cơ quan nhà nước thu phí nêu trên, chỉ còn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được.

7 Tại Điều 5 Nghị định 120 quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):.....

3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc TTCP cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc TTCP, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP.

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Do đó, cần điều chỉnh nội dung quy định về quản lý, sử dụng tiền phí đối với cơ quan nhà nước thu phí như sau: “2. *Số tiền phí để lại cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được để chi phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của Chính phủ*”.

(2) Về quản lý, sử dụng phí của đơn vị sự nghiệp thu

a) Nội dung quy định về quản lý, sử dụng phí tại Nghị định 120/2016/NĐ-CP đồng bộ với quy định về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Tiền phí để lại để chi các nội dung phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (Khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP); chênh lệch thu, chi theo dự toán được trích lập các Quỹ: phát triển sự nghiệp bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP).

- Tiền phí để lại không chịu thuế TNDN; đơn vị sự nghiệp được chi đầu tư từ Quỹ phát triển sự nghiệp.

Quy định trên phù hợp với các mô hình tự chủ của đơn vị sự nghiệp: tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp được cổ phần hóa chuyển thành doanh nghiệp, khi đó, doanh nghiệp sẽ cung cấp dịch vụ và thu tiền theo cơ chế giá dịch vụ.

b) Quy định về quản lý, sử dụng phí tại khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP áp dụng chung cho cả cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Tại dự thảo Nghị định, đã quy định riêng về tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước.

Nội quy định về quản lý, sử dụng phí đối với đơn vị sự nghiệp không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thực tế, không phát sinh các trường hợp đặc thù đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa lại quy định về quản lý, sử dụng tiền phí để lại cho đơn vị sự nghiệp theo hướng:

3. *Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:*

a) *Chi thường xuyên*

b) *Chi nhiệm vụ không thường xuyên:*

c) Ngoài các nội dung tại điểm a, điểm b khoản này, số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chỉ theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

(3) Quy định về chuyển nguồn

Quy định khoản 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP chỉ phù hợp với tổ chức thu phí là cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thu phí (doanh nghiệp), thì số tiền phí để lại được hạch toán vào doanh thu của đơn vị, xác định kết quả kinh doanh, nộp thuế theo quy định. Sau khi nộp thuế, doanh nghiệp được quản lý và sử dụng tiền phí của mình theo quy định Luật doanh nghiệp.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 5 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định về chuyển nguồn chỉ áp dụng đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thu phí.

Các phương án sửa đổi nêu trên nhằm quy định này rõ ràng, minh bạch hơn; trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc cho các đơn vị thu phí, cơ quan quản lý; phù hợp với hoạt động hạch toán tài chính của đơn vị thu phí.

3. Trách nhiệm của các Bộ trong tổ chức thực hiện

a) Vấn đề cần giải quyết

- Tại Điều 6 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính),

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn

đề nghị các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

b) Phương án giải quyết và đánh giá tác động

Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ như sau: 4. *Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.*

Để giải quyết vấn đề này, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của các Bộ liên quan: c) *Trường hợp khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng đề án và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí. Đối với phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ liên quan xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí.*

Quy định thu phí phải phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành; chẳng hạn, đối với phí bảo vệ môi trường đối với khí thải: quy định về cấp phép xả thải, xác định lưu lượng xả thải, quy chuẩn, tiêu chuẩn xả thải,... hoạt động này do cơ quan tài nguyên và môi trường quản lý. Do đó, cơ quan tài nguyên và môi trường phải là cơ quan hiểu rõ nhất quy trình, thủ tục quản lý xả thải; trên cơ sở đó, cơ quan tài nguyên và môi trường xây dựng quy trình thu, nộp phí phù hợp với quy trình quản lý khí thải.

VI. Kết luận

Chính sách phí, lệ phí là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc duy trì và bảo đảm các hoạt động dịch vụ công. Chính sách phí, lệ phí gắn liền với các thủ tục hành chính và có tác động lớn đến kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc quy định các nội dung tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí một cách rõ ràng vừa đảm bảo tính công khai, minh bạch trong chính sách và quản lý phí, lệ phí; phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu quả điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thực hiện quản lý và kiểm soát có hiệu quả hơn các hoạt động kinh tế - xã hội theo khuôn khổ của pháp luật.

BỘ TÀI CHÍNH